

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 44

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tuấn Điệp	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Bà Ngô Hà Chi	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên	
Ông Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Đức Hạnh	Trưởng Ban	(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Trưởng Ban	(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên	
Bà Trần Thị Minh Mẫn	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trương Sỹ Toàn	Tổng Giám đốc	
Ông Cao Nhật Huy	Phó Giám đốc Sản xuất	(Thực hiện quyền điều hành tạm thời Nhà máy đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng từ ngày 10/01/2026)

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
---------------------	----------------------------

#### **Kế toán trưởng và Phụ trách kế toán**

Bà Bùi Thị Hương	Kế toán trưởng	(Từ nhiệm từ ngày 26/08/2025)
Ông Nguyễn Hữu Đức	Phụ trách kế toán	(Bổ nhiệm từ ngày 26/08/2025)

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã được thuyết minh tại Thuyết minh số 30.1, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo,



**Nguyễn Anh Tuấn**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026



Số: 686/2026/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo  
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 05 năm 2026, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 30.1 của Báo cáo tài chính riêng liên quan đến việc Công ty đã công bố thông tin liên quan đến việc nhận được thông báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra Thành phố Hải Phòng về việc tạm giữ ông Trương Sỹ Toàn – Tổng Giám đốc của Công ty để phục vụ công tác điều tra. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa nhận được thêm bất kỳ thông tin hay kết luận chính thức nào khác từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Công ty chưa ghi nhận các ảnh hưởng (nếu có) phát sinh từ sự kiện này trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

Nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của Công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02A/2026/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 02B/2026/NQ-HĐQT ngày 10/01/2026 quyết định tạm dừng ngắn hạn hoạt động sản xuất tại Nhà máy đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng và thống nhất giao ông Cao Nhật Huy – Phó Giám đốc Sản xuất thực hiện quyền điều hành tạm thời nhà máy Đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng trong thời gian Tổng Giám đốc Công ty tạm vắng mặt.

Đồng thời, như trình bày tại Thuyết minh số 30.3, ngày 08/01/2026, Tổ chức chứng nhận ISO đã gửi thông báo tạm đình chỉ hiệu lực Chứng nhận ISO 22000:2018 của Công ty cho đến khi có kết luận điều tra, đồng thời đề nghị Công ty thực hiện giải trình và cung cấp các hồ sơ, bằng chứng liên quan. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, một số nhân sự chủ chốt của Công ty đang phối hợp phục vụ công tác điều tra nên việc làm việc và cung cấp hồ sơ cho tổ chức chứng nhận bị gián đoạn. Theo đó, ngày 10/01/2026, tổ chức chứng nhận đã ban hành Quyết định số 2026-002/QĐ-CERT thu hồi Chứng chỉ ISO 22000:2018 của Công ty.

Công ty đã tạm ngừng hoạt động sản xuất nhằm ổn định tình hình và thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn để cải tạo nhà xưởng, rà soát quy trình sản xuất, thu hẹp quy mô hoạt động và làm việc trở lại với tổ chức chứng nhận để thực hiện đánh giá cấp mới Chứng nhận ISO 22000:2018.

Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, sau khi hoàn thành các biện pháp khắc phục và đáp ứng các yêu cầu của tổ chức chứng nhận, Công ty sẽ được xem xét cấp lại Chứng nhận ISO 22000:2018 và từng bước khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty vẫn được lập và trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 liên quan đến hàng hóa và thành phẩm đã bán nhưng đang trong quá trình thu hồi theo các Biên bản trả hàng đã được ký xác nhận giữa Công ty và bên mua hàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng này, toàn bộ số hàng hóa và thành phẩm nêu trên đã được thu hồi nhập kho Công ty. Giá trị hàng hóa và thành phẩm thu hồi đã được Công ty điều chỉnh giảm vào các chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” và “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Đồng thời, Công ty đã thực hiện phân loại và trích lập dự phòng đối với các hàng hóa, thành phẩm nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2026

**Bùi Đức Nam**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
*Tại ngày 31/12/2025*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>203.813.122.143</b>	<b>180.423.741.688</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.092.930.999	15.057.553.487
Tiền	111		10.092.930.999	15.057.553.487
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	45.133.690.856	7.501.725.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		45.133.690.856	7.501.725.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.643.340.002	51.842.528.121
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	30.417.286.890	49.677.245.992
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.037.414.650	3.925.311.203
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	21.968.481.072	8.047.052.121
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.779.842.610)	(9.807.081.195)
Hàng tồn kho	140	8	97.768.454.677	103.565.844.093
Hàng tồn kho	141		116.539.796.376	105.424.591.061
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.771.341.699)	(1.858.746.968)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.174.705.609	2.456.090.987
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	727.731.659	2.009.117.037
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	446.973.950	446.973.950
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>88.402.316.811</b>	<b>90.159.252.479</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		718.891.444	670.164.171
Phải thu dài hạn khác	216	7	718.891.444	670.164.171
Tài sản cố định	220		24.029.274.605	26.477.004.106
Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.041.602.403	14.489.331.904
- Nguyên giá	222		99.931.711.916	108.363.325.132
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.890.109.513)	(93.873.993.228)
Tài sản cố định vô hình	227	12	11.987.672.202	11.987.672.202
- Nguyên giá	228		14.134.262.202	14.134.262.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.146.590.000)	(2.146.590.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		129.800.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		129.800.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	60.110.926.449	60.110.926.449
Đầu tư vào công ty con	251		61.110.926.449	61.110.926.449
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		3.413.424.313	2.901.157.753
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.430.965.841	2.901.157.753
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	982.458.472	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>292.215.438.954</b>	<b>270.582.994.167</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>154.947.145.473</b>	<b>123.796.338.230</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>146.975.394.177</b>	<b>118.948.808.434</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	25.397.760.176	31.183.148.735
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		685.118.554	455.630.177
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.483.333.008	2.850.610.487
Phải trả người lao động	314		7.454.759.323	5.470.310.259
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	33.493.733.738	8.738.414.234
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	710.279.116	570.986.964
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	75.096.301.696	67.984.099.012
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.654.108.566	1.695.608.566
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.971.751.296</b>	<b>4.847.529.796</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	282.500.163	282.500.163
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	2.875.400.000	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	4.813.851.133	4.565.029.633
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>137.268.293.481</b>	<b>146.786.655.937</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>137.268.293.481</b>	<b>146.786.655.937</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	418		29.020.260.148	29.020.260.148
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.494.645.983	52.013.008.439
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		52.013.008.439	2.479.586.364
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(9.518.362.456)	49.533.422.075
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>292.215.438.954</b>	<b>270.582.994.167</b>

Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu



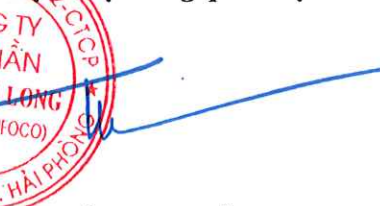
Dương Thị Thu Phương

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Đức

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	503.148.001.636	515.113.741.931
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	41.369.327.651	14.462.018.202
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		461.778.673.985	500.651.723.729
Giá vốn hàng bán	11	22	364.645.295.660	375.972.926.796
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97.133.378.325	124.678.796.933
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.699.857.630	45.078.752.568
Chi phí tài chính	22	24	3.017.242.023	5.577.983.780
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.261.527.253	3.985.311.568
Chi phí bán hàng	25	25	94.538.634.560	92.539.364.838
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.690.807.327	21.405.438.940
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.413.447.955)	50.234.761.943
Thu nhập khác	31		1.321.469.492	522.057.680
Chi phí khác	32		744.201.667	256.553.287
Lợi nhuận khác	40		577.267.825	265.504.393
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.836.180.130)	50.500.266.336
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	664.640.798	966.844.261
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(982.458.472)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.518.362.456)	49.533.422.075

Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu



Dương Thị Thu Phương

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Đức

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(9.836.180.130)</b>	<b>50.500.266.336</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.480.061.213	4.135.251.083
Các khoản dự phòng	03		17.134.177.646	826.116.232
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.775.381	(141.354)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(9.169.944.816)	(45.024.731.101)
Chi phí lãi vay	06		2.261.527.253	3.985.311.568
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.873.416.547</b>	<b>14.422.072.764</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.718.345.291	(10.804.666.127)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.115.205.315)	44.965.940.206
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21.112.970.000	11.704.904.995
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.751.577.290	(495.930.448)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.239.099.497)	(4.021.742.766)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(919.155.495)	(1.227.148.397)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(41.500.000)	(2.912.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>27.141.348.821</b>	<b>51.631.230.227</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.629.281.052)	(1.112.331.648)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		609.440.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(44.631.965.856)	(16.542.042.810)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.040.317.810
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.560.504.816	24.731.101
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(42.091.302.092)</b>	<b>(9.589.325.547)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		389.267.973.313	371.200.728.937
Tiền trả nợ gốc vay	34		(379.280.370.629)	(404.263.611.469)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.991.916.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.987.602.684</b>	<b>(39.054.798.732)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)**

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.962.350.587)	2.987.105.948
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	15.057.553.487	12.070.306.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.271.901)	141.354
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	10.092.930.999	15.057.553.487

*Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026*

**Người lập biểu**



**Dương Thị Thu Phương**

**Phụ trách kế toán**



**Nguyễn Hữu Đức**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Anh Tuấn**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200344752 ngày 05/03/1999, đã đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 26/08/2025 do Sở tài chính Thành phố Hải Phòng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng) cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 50.000.000.000 đồng chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP góp 13.873.600.000 đồng, chiếm tỷ lệ 27,75%, các cổ đông khác góp 36.126.400.000 đồng, chiếm tỷ lệ 72,25%.

Ngày 18/10/2001, 5 triệu cổ phiếu của Công ty với mã cổ phiếu “CAN” đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 657 người (tại ngày 31/12/2024 là 697 người).

**1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Sản xuất, chế biến, đóng hộp và kinh doanh các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có các công ty con như sau:

*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Lô C3-4, C3-5, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Chế biến, bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, thịt và các sản phẩm từ thịt, rau củ quả, sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy hải sản	100%	100%
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 69, Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn (1)	Số 44 Phố Chùa Quỳnh, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán buôn, bán lẻ thực phẩm	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đồng Tháp (2)	Cụm công nghiệp Trường Xuân, Xã Trường Xuân, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến và bảo quản rau quả	100%	100%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

(1) Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn tạm ngừng hoạt động kinh doanh kể từ ngày 15/09/2025 đến ngày 31/05/2026 theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 19/05/2025 của Hội đồng quản trị và Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh số 432569/25 ngày 10/09/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Thành phố Hà Nội để xem xét và cân nhắc thêm các phương án kinh doanh, phát triển phù hợp và hiệu quả hơn.

(2) Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đồng Tháp thành lập theo Nghị quyết số 09B/2025/NQ-HĐQT ngày 08/07/2025 của Hội đồng quản trị với số vốn điều lệ đăng ký là 12.000.000.000 đồng (bằng chữ: Mười hai tỷ đồng chẵn) và được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1402214927 ngày 29/08/2025. Đến ngày 31/12/2025, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đồng Tháp.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

**3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
- Máy móc, thiết bị	02 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, và quyền sử dụng đất.

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí mua bảo hiểm, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định, chi phí đi thuê và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 36 tháng.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 36 tháng.

Chi phí đi thuê: Bao gồm các chi phí thuê văn phòng, thuê quảng cáo,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 12 tháng.

**3.11 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**3.13 VAY**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**3.14 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, cho thuê và doanh thu khác

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lãi từ đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

**3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, chi phí trượt giá, lỗ từ đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm.

**3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)***Thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.19 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Công ty mẹ, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	170.262.037	278.560.797
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.922.668.962	14.778.992.690
<b>Cộng</b>	<b>10.092.930.999</b>	<b>15.057.553.487</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)				
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)				
5.	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH			
5.1	ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN			
		31/12/2025	01/01/2025	
		Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND
				Giá trị ghi sổ VND
	a) Ngắn hạn	45.133.690.856	45.133.690.856	7.501.725.000
	+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	7.000.000.000
	+ Các khoản đầu tư khác (*)	45.133.690.856	45.133.690.856	501.725.000
	b) Dài hạn	-	-	-
	Cộng	45.133.690.856	45.133.690.856	7.501.725.000

(\*) Khoản mua chứng chỉ tiền gửi Bảo Lộc tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, lãi suất tại ngày 31/12/2025 là 4,4 - 4,6%/năm cho kỳ hạn 3 tháng trở lên, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ.

5.2	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN			
		31/12/2025	01/01/2025	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
				Giá trị hợp lý VND
	Đầu tư vào công ty con	61.110.926.449	(1.000.000.000)	(*)
	+ Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long	60.000.000.000	-	(*)
	- Đà Nẵng			
	+ Trường mầm non Công ty Đồ hộp Hạ Long	110.926.449	-	(*)
	+ Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột đèn (1)	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(*)
	Cộng	61.110.926.449	(1.000.000.000)	(*)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)
- 5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

(1) Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn tạm ngừng hoạt động kinh doanh kể từ ngày 15/09/2025 đến ngày 31/05/2026 theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 19/05/2025 của Hội đồng quản trị và Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh số 432569/25 ngày 10/09/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Thành phố Hà Nội để xem xét và cân nhắc thêm các phương án kinh doanh, phát triển phù hợp và hiệu quả hơn.

(\*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	30.417.286.890	(2.276.043.854)	49.677.245.992	(1.751.879.239)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	6.221.530.574	(226.292.591)	6.068.364.221	(239.283.555)
- Công ty TNHH Dịch vụ BB	3.702.866.045	-	3.603.944.706	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà Phê Cao Nguyên	1.057.200.000	-	5.343.733.280	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà Phê Cao Nguyên	1.283.872.000	-	948.712.160	-
- Phải thu khách hàng khác	18.151.818.271	(2.049.751.263)	33.712.491.625	(1.512.595.684)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	30.417.286.890	(2.276.043.854)	49.677.245.992	(1.751.879.239)

c) Số dư phải thu khách hàng bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 30.2





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.561.056.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	45.756.984.823	(4.115.599.885)	36.821.520.210	(836.224.414)
Công cụ, dụng cụ	1.620.460.899	(38.968.025)	1.411.943.730	(63.665.179)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.787.008.896	(337.757.022)	5.991.022.713	(423.722.939)
Thành phẩm	29.230.483.055	(7.737.089.882)	29.934.648.181	(340.384.482)
Hàng hóa	18.658.816.371	(306.989.650)	29.704.400.227	(194.749.954)
Hàng gửi đi bán (*)	15.486.042.332	(6.234.937.235)	-	-
Cộng	116.539.796.376	(18.771.341.699)	105.424.591.061	(1.858.746.968)

(\*) Số dư hàng gửi đi bán của Công ty là hàng hóa và thành phẩm đã bán và đang trong quá trình thu hồi do bên mua hàng hoàn trả theo các Biên bản trả hàng đã ký xác nhận giữa Công ty và bên mua hàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này, toàn bộ số hàng hóa và thành phẩm nêu trên đã được thu hồi nhập về kho của Công ty. Giá trị hàng hóa và thành phẩm thu hồi đã được Công ty điều chỉnh giảm vào chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” và “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Chỉ tiết tại thuyết minh số 22). Đồng thời, Công ty đã thực hiện phân loại và trích lập dự phòng đối với các hàng hóa, thành phẩm nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

9. NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Phải thu khách hàng	30.417.286.890	28.141.243.036	(2.276.043.854)	49.677.245.992
Phải thu khác	22.687.372.516	15.472.104.898	(7.215.267.618)	8.717.216.292
Trả trước cho người bán	7.037.414.650	6.748.883.512	(288.531.138)	3.925.311.203
Cộng	60.142.074.056	50.362.231.446	(9.779.842.610)	62.319.773.487
			52.512.692.292	(9.807.081.195)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền,

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***9. NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)**

Biến động về dự phòng cho các khoản nợ xấu trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.807.081.195	9.472.681.947
Tăng dự phòng	658.253.843	624.155.347
Hoàn nhập dự phòng	(131.589.228)	(289.756.099)
Xóa sổ	(553.903.200)	-
Số dư cuối năm	9.779.842.610	9.807.081.195

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	727.731.659	2.009.117.037
- Chi phí mua bảo hiểm	15.177.317	76.805.075
- Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	153.972.707	472.501.358
- Chi phí thuê	-	419.136.362
- Chi phí công cụ, dụng cụ	65.781.221	646.926.534
- Các khoản khác	492.800.414	393.747.708
b) Dài hạn	2.430.965.841	2.901.157.753
- Nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	1.934.991.748	2.083.787.500
- Chi phí công cụ, dụng cụ	59.632.417	-
- Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	-	469.623.220
- Các khoản khác	436.341.676	347.747.033
Cộng	3.158.697.500	4.910.274.790



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)					
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)					
11.	TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH				
		Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đụng cụ quản lý
		VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
	01/01/2025	33.122.138.194	71.868.592.143	3.295.411.481	77.183.314
	- Mua trong năm	92.297.162	940.034.550	-	-
	- Thanh lý, nhượng bán	(263.183.182)	(9.055.863.765)	(144.897.981)	-
	31/12/2025	32.951.252.174	63.752.762.928	3.150.513.500	77.183.314
HAO MÒN LŨY KẾ					
	01/01/2025	(31.699.484.324)	(59.929.517.761)	(2.167.807.829)	(77.183.314)
	- Khấu hao trong năm	(426.345.124)	(2.861.088.249)	(192.627.840)	-
	- Thanh lý, nhượng bán	263.183.182	9.055.863.765	144.897.981	-
	31/12/2025	(31.862.646.266)	(53.734.742.245)	(2.215.537.688)	(77.183.314)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
	01/01/2025	1.422.653.870	11.939.074.382	1.127.603.652	-
	31/12/2025	1.088.605.908	10.018.020.683	934.975.812	-

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 1.365.869.735 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.769.607.810 đồng);

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 61.452.784.412 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 52.755.699.398 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất (*) VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2025	11.987.672.202	2.146.590.000	14.134.262.202
31/12/2025	11.987.672.202	2.146.590.000	14.134.262.202
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2025	-	(2.146.590.000)	(2.146.590.000)
31/12/2025	-	(2.146.590.000)	(2.146.590.000)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2025	11.987.672.202	-	11.987.672.202
31/12/2025	11.987.672.202	-	11.987.672.202

(\*) TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định với mục đích ban đầu để xây dựng nhà máy, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 10.306 m<sup>2</sup> tại lô C3-4 và C3-5 thuộc Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 đồng; và
- Quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 290,7 m<sup>2</sup> tại thửa số 1 địa chỉ số 43/1 đường Phước Long, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 729.000.000 đồng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB ĐN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng để thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Đà Nẵng (giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng (công ty con) với ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	25.397.760.176	25.397.760.176	31.183.148.735	31.183.148.735
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	5.137.425.363	5.137.425.363	10.999.594.950	10.999.594.950
- Công ty TNHH Việt Nam Chuan Li Can	5.465.878.477	5.465.878.477	3.462.349.715	3.462.349.715
- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	2.289.204.814	2.289.204.814	6.491.502.217	6.491.502.217
- Phải trả nhà cung cấp khác	12.505.251.522	12.505.251.522	10.229.701.853	10.229.701.853
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	25.397.760.176	25.397.760.176	31.183.148.735	31.183.148.735

c) Số dư phải trả người bán bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 30.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025				Trong năm				01/01/2025			
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		Giá trị		Số có khả năng trả nợ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
<b>Vay ngắn hạn</b>	75.096.301.696		75.096.301.696		386.392.573.313		379.280.370.629		67.984.099.012		67.984.099.012	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	3.571.648.743		3.571.648.743		91.694.372.896		115.131.589.750		27.008.865.597		27.008.865.597	
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	49.996.692.986		49.996.692.986		273.170.240.450		264.148.780.879		40.975.233.415		40.975.233.415	
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	21.527.959.967		21.527.959.967		21.527.959.967		-		-		-	
<b>Vay dài hạn</b>	2.875.400.000		2.875.400.000		2.875.400.000		-		-		-	
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	2.875.400.000		2.875.400.000		2.875.400.000		-		-		-	
<b>Cộng</b>	77.971.701.696		77.971.701.696		389.267.973.313		379.280.370.629		67.984.099.012		67.984.099.012	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)						
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)						
14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)						
Bên cho vay và hợp đồng vay	Hạn mức	Số dư tại ngày 31/12/2025	Thời hạn hoàn trả gốc và lãi	Lãi suất	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
	VND	VND				
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>75.096.301.696</b>				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	30.000.000.000	3.571.648.743	Gốc vay trả trong 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng.	4,5-6,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động.	Tài sản bảo đảm là: - Máy móc thiết bị đã qua sử dụng theo các hợp đồng thế chấp 22/2018/HĐTC-CAN, 22A/2018/HĐTC/CAN, 02.2019/HĐTC-CAN - Hợp đồng Cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 126914/2024/HĐTG.01 ngày 18/11/2024.
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	50.000.000.000	49.996.692.986	Gốc vay trả trong 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng.	4,5-6,1%/năm	Bổ sung vốn lưu động.	Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	45.000.000.000	21.527.959.967	Quy định tại Khế ước nhận nợ	Quy định tại Khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động.	Không có tài sản đảm bảo.
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>2.875.400.000</b>				
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	3.600.000.000	2.875.400.000	Gốc vay trả trong 60 tháng, lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất cho vay là 6,8%/năm trong thời gian cố định lãi suất	Đầu tư máy móc, thiết bị.	Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2025/HĐTC-HL ngày 01/12/2025.
<b>Cộng</b>	<b>128.600.000.000</b>	<b>77.971.701.696</b>				

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đã khấu trừ /phân loại trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>					
- Thuế giá trị gia tăng	2.372.971.995	40.148.610.892	22.089.636.486	18.224.839.689	2.207.106.712
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	323.149.687	755.984.998	919.155.495	-	159.979.190
- Thuế thu nhập cá nhân	154.473.841	2.250.811.938	2.153.981.418	209.737.710	41.566.651
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	597.413.968	597.413.968	-	-
- Các loại thuế khác	-	246.608.077	171.962.586	-	74.645.491
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.964	689.993.698	689.973.698	-	34.964
<b>Cộng</b>	<b>2.850.610.487</b>	<b>44.689.423.571</b>	<b>26.622.123.651</b>	<b>18.434.577.399</b>	<b>2.483.333.008</b>
	<b>01/01/2025</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>Số đã khấu trừ /phân loại trong năm</b>	<b>31/12/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>					
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	446.973.950	-	-	-	446.973.950
<b>Cộng</b>	<b>446.973.950</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>446.973.950</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>33.493.733.738</b>	<b>8.738.414.234</b>
- Hàng bán bị trả lại (*)	24.455.842.172	-
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	4.082.741.398	5.081.879.857
- Chi phí thường nhân viên bán hàng	3.084.130.737	1.565.204.331
- Các khoản trích trước khác	1.871.019.431	2.091.330.046
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>33.493.733.738</b>	<b>8.738.414.234</b>

(\*) Số dư hàng bán bị trả lại của Công ty là hàng hóa và thành phẩm đã bán và đang trong quá trình thu hồi do bên mua hàng hoàn trả theo các Biên bản trả hàng đã ký xác nhận giữa Công ty và bên mua hàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này, toàn bộ số hàng hóa và thành phẩm nêu trên đã được thu hồi nhập về kho của Công ty. Giá trị hàng hóa và thành phẩm thu hồi đã được Công ty điều chỉnh giảm vào chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” và “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (*Chi tiết tại thuyết minh số 21*). Đồng thời, Công ty đã thực hiện phân loại và trích lập dự phòng đối với các hàng hóa, thành phẩm nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

**17. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.195.008.619</b>	<b>1.150.921.377</b>
- Kinh phí công đoàn	311.595.268	432.549.250
- Bảo hiểm y tế	218.062.038	216.924.604
- Bảo hiểm thất nghiệp	25.818.277	26.065.218
- Cổ tức phải trả	117.114.750	117.114.750
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	19.500.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	522.418.286	338.767.555
<b>b) Dài hạn</b>	<b>282.500.163</b>	<b>300.500.163</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	18.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	282.500.163	282.500.163
<b>Cộng</b>	<b>1.477.508.782</b>	<b>1.451.421.540</b>

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>4.813.851.133</b>	<b>4.565.029.633</b>
- Dự phòng khôi phục và hoàn trả mặt bằng (*)	4.813.851.133	4.565.029.633
<b>Cộng</b>	<b>4.813.851.133</b>	<b>4.565.029.633</b>

(\*) Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê tại số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TĐ ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Tài nguyên và Môi trường (trước đây là Sở Địa chính) Thành phố Hải Phòng. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ (TIẾP)**

Biến động dự phòng phải trả trong năm như sau:

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.565.029.633</b>	<b>4.415.646.853</b>
Ảnh hưởng của yếu tố thời gian của nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	248.821.500	149.382.780
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.813.851.133</b>	<b>4.565.029.633</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	10.429.586.364	105.203.233.862
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	49.533.422.075	49.533.422.075
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(7.950.000.000)	(7.950.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
+ Thương	-	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
31/12/2024	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	52.013.008.439	146.786.655.937
01/01/2025	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	52.013.008.439	146.786.655.937
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	(9.518.362.456)	(9.518.362.456)
31/12/2025	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	42.494.645.983	137.268.293.481

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền,

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	13.873.600.000	13.873.600.000
- Ông Phạm Hữu Quý Lâm	-	4.381.200.000
- Landial Pte Ltd.	-	7.324.000.000
- Ông Low Say Pun	-	3.845.000.000
- Ông Nguyễn Văn Bình	3.363.000.000	3.363.000.000
- Bà Lê Minh Hà	-	2.741.900.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	32.763.400.000	14.471.300.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức đã chia	-	6.000.000.000

**19.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Doanh thu bán thành phẩm	416.069.812.202	417.902.537.255
- Doanh thu bán hàng hóa	86.219.295.634	97.115.968.160
- Doanh thu khác	858.893.800	95.236.516
<b>Cộng</b>	<b>503.148.001.636</b>	<b>515.113.741.931</b>

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>41.369.327.651</b>	<b>14.462.018.202</b>
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	16.745.326.365	13.889.019.431
+ Hàng bán bị trả lại	24.624.001.286	572.998.771
<b>Cộng</b>	<b>41.369.327.651</b>	<b>14.462.018.202</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	276.199.673.355	310.779.880.723
- Giá vốn hàng hóa đã bán	71.533.027.574	65.850.711.869
- Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	16.912.594.731	(657.665.796)
<b>Cộng</b>	<b>364.645.295.660</b>	<b>375.972.926.796</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	560.504.816	24.731.101
- Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	45.000.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	139.352.814	53.880.113
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	141.354
<b>Cộng</b>	<b>8.699.857.630</b>	<b>45.078.752.568</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.261.527.253	3.985.311.568
- Trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con	-	1.000.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	82.583.461	4.813.609
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	3.775.381	-
- Ảnh hưởng của yếu tố thời gian của nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	248.821.500	149.382.780
- Chi phí tài chính khác	420.534.428	438.475.823
<b>Cộng</b>	<b>3.017.242.023</b>	<b>5.577.983.780</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>18.690.807.327</b>	<b>21.405.438.940</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	10.588.863.037	10.354.693.156
- Chi phí dự phòng	675.460.367	483.194.958
- Chi phí khấu hao TSCĐ	215.372.316	306.496.455
- Thuế, phí và lệ phí	614.748.852	1.164.108.445
- Chi phí công tác	476.255.670	1.365.017.438
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.233.182.726	4.802.274.035
- Chi phí bằng tiền khác	3.886.924.359	2.929.654.453
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>94.538.634.560</b>	<b>92.539.364.838</b>
- Chi phí nhân viên	48.258.746.491	50.213.164.524
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	16.158.927.474	14.463.639.243
- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	13.132.996.958	12.036.400.253
- Chi phí khấu hao TSCĐ	63.984.306	60.705.884
- Chi phí công tác	2.766.739.866	3.316.311.804
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	1.968.414.767	2.187.127.916
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.710.875.699	7.320.018.580
- Chi phí bằng tiền khác	6.477.948.999	2.941.996.634
<b>Cộng</b>	<b>113.229.441.887</b>	<b>113.944.803.778</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nguyên vật liệu	270.487.629.243	232.815.674.860
- Chi phí nhân công	107.744.435.694	106.789.096.992
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.480.061.213	4.135.251.083
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.042.087.989	39.937.064.535
- Chi phí bằng tiền khác	58.916.509.591	29.676.686.153
<b>Cộng</b>	<b>477.670.723.730</b>	<b>413.353.773.623</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(9.836.180.130)</b>	<b>50.500.266.336</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>21.675.371.144</b>	<b>3.913.907.224</b>
- Chi phí dự phòng hàng tồn kho	14.370.492.327	-
- Chi phí dự phòng hoàn nguyên mặt bằng	248.821.500	149.382.780
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	526.664.615	334.399.248
- Chi phí lãi vay bị loại theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	1.701.022.437	-
- Chi phí không được khấu trừ	4.828.370.265	3.430.125.196
<b>Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác</b>	<b>8.553.903.200</b>	<b>50.658.717.104</b>
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	553.903.200	657.665.796
- Cổ tức lợi nhuận được chia	8.000.000.000	45.000.000.000
- Chi phí lãi vay được trừ của các năm trước	-	5.001.051.308
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>3.285.287.814</b>	<b>3.755.456.456</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	657.057.563	751.091.291
Chi phí thuế TNDN các năm trước bổ sung	7.583.235	215.752.970
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>664.640.798</b>	<b>966.844.261</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**28.1 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
- Giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	4.912.292.362	-
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>982.458.472</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (TIẾP)****28.2 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(982.458.472)	-

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**30. THÔNG TIN KHÁC****30.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 10 tháng 01 năm 2026, Công ty đã công bố thông tin liên quan đến việc nhận được thông báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra Thành phố Hải Phòng về việc tạm giữ ông Trương Sỹ Toàn – Tổng Giám đốc của Công ty để phục vụ công tác điều tra. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa nhận được thêm bất kỳ thông tin hay kết luận chính thức nào khác từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Công ty chưa ghi nhận các ảnh hưởng (nếu có) phát sinh từ sự kiện này trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

Nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của Công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02A/2026/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 02B/2026/NQ-HĐQT ngày 10/01/2026 quyết định tạm dừng ngắn hạn hoạt động sản xuất tại Nhà máy đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng và thống nhất giao ông Cao Nhật Huy – Phó Giám đốc Sản xuất thực hiện quyền điều hành tạm thời nhà máy Đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng trong thời gian Tổng Giám đốc Công ty tạm vắng mặt.

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Lãnh đạo, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài thông tin trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Bên liên quan của Công ty bao gồm:

**Bên liên quan**

- Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Ông Kek Chin Ann

- Ông Nguyễn Thành Trung

- Ông Nguyễn Tuấn Điệp

- Bà Ngô Hà Chi

- Ông Bùi Quốc Hưng

- Ông Trần Hữu Hoàng

- Ông Wilson Cheah Hui Pin

- Ông Trương Sỹ Toàn

- Ông Nguyễn Đức Hạnh

- Bà Nguyễn Thị Hương Giang

- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ

- Ông Nguyễn Việt Hoàng

- Bà Trần Thị Minh Mẫn

- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP

- Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng - TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP

- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng

- Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT

(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Chủ tịch HĐQT

(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT

(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Thành viên HĐQT

(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Thành viên HĐQT

(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Tổng Giám đốc

Trưởng Ban Kiểm soát

(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Trưởng Ban Kiểm soát

(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Thành viên BKS

Thành viên BKS

(Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Thành viên BKS

(Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2025)

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty con

Công ty con

Công ty con

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
- Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng – TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP	-	2.400.000
- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	102.000.000	2.903.712
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn	2.686.294.895	4.119.102.511
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	43.384.553.880	47.753.858.080
- Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng – TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP	-	255.808.478
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn	94.389.392	19.756.778
<b>Các hoạt động tài chính</b>		
<b>Chia cổ tức cho cổ đông:</b>	-	<b>6.000.000.000</b>
- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	-	1.664.832.000
- Cổ đông khác	-	4.335.168.000
<b>Lợi nhuận được chia:</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	8.000.000.000	45.000.000.000

**Số dư với các bên liên quan**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>61.110.926.449</b>	<b>61.110.926.449</b>
- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	60.000.000.000	60.000.000.000
- Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	110.926.449	110.926.449
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>423.526.000</b>	<b>866.236.589</b>
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn	423.526.000	866.236.589
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.085.783.800</b>	<b>1.076.239.000</b>
- Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	1.076.239.000	1.076.239.000
- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đồng Tháp	9.544.800	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>2.289.204.814</b>	<b>6.491.502.217</b>
- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	2.289.204.814	6.491.502.217
<b>Phải trả khác</b>	-	<b>19.658.735</b>
- Ông Trương Sỹ Toàn	-	19.658.735



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	2.224.000.000	2.310.000.000
- Thù lao của các thành viên HĐQT, BKS	1.679.999.995	2.653.302.995
<b>Cộng</b>	<b>3.903.999.995</b>	<b>4.963.302.995</b>

*Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên quản lý chủ chốt*

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
- Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	99.496.855	498.113.208
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	217.484.277	-
- Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	290.566.038	456.603.774
- Ông Nguyễn Tuấn Điệp	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	181.236.897	-
- Bà Ngô Hà Chi	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	181.236.897	-
- Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	82.914.046	415.095.339
- Ông Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	82.914.046	415.095.339
- Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT	264.150.943	415.095.339
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Trưởng BKS (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	42.688.888	189.299.996
- Ông Nguyễn Đức Hạnh	Trưởng BKS (Bỏ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	93.311.108	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**Số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****30.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp)*

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	49.400.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên BKS	72.000.000	132.000.000
- Bà Lê Thị Quy	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2024)	-	84.000.000
- Bà Trần Thị Minh Mẫn	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	22.600.000	48.000.000
- Ông Trương Sỹ Toàn	Tổng Giám đốc	1.540.000.000	1.540.000.000
- Bà Bùi Thị Hường	Kế toán trưởng (Từ nhiệm từ ngày 26/08/2025)	564.000.000	770.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Đức	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm từ ngày 26/08/2025)	120.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>3.903.999.995</b>	<b>4.963.302.995</b>

**30.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Liên quan đến vụ việc nêu tại Thuyết minh số 30.1, ngày 08/01/2026, Tổ chức chứng nhận ISO đã gửi thông báo tạm đình chỉ hiệu lực Chứng nhận ISO 22000:2018 của Công ty cho đến khi có kết luận điều tra, đồng thời đề nghị Công ty thực hiện giải trình và cung cấp các hồ sơ, bằng chứng liên quan. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, một số nhân sự chủ chốt của Công ty đang phối hợp phục vụ công tác điều tra nên việc làm việc và cung cấp hồ sơ cho tổ chức chứng nhận bị gián đoạn. Theo đó, ngày 10/01/2026, tổ chức chứng nhận đã ban hành quyết định số 2026-002/QĐ-CERT thu hồi Chứng chỉ ISO 22000:2018 của Công ty.

Công ty đã tạm ngừng hoạt động sản xuất nhằm ổn định tình hình và thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn để cải tạo nhà xưởng, rà soát quy trình sản xuất, thu hẹp quy mô hoạt động và làm việc trở lại với tổ chức chứng nhận để thực hiện đánh giá cấp mới Chứng nhận ISO 22000:2018.

Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, sau khi hoàn thành các biện pháp khắc phục và đáp ứng các yêu cầu của tổ chức chứng nhận, Công ty sẽ được xem xét cấp lại Chứng nhận ISO 22000:2018 và từng bước khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)


**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026

**Người lập biểu**

  
**Dương Thị Thu Phương**

**Phụ trách kế toán**

  
**Nguyễn Hữu Đức**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



  
**Nguyễn Anh Tuấn**

